

## Horarios do curso 2021/22

### Máster en Enxeñaría de Telecomunicación

#### Primeiro curso: 1º cuadrimestre – Materias comúns

Grupo M11 Aula T212

SETEMBRO – Semana 1					
	L 13	Ma 14	Me 15	X 16	V 17
9.00-9.30	Bervida	TR	DCEA	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	TSCOM				
11-12	TA	tscom B01	RAD	TSCOM	RAD
12-13		tscom B02			TSI
13-14					
14-15					

SETEMBRO – Semana 2					
	L 20	Ma 21	Me 22	X 23	V 24
9.00-9.30	TSCOM	TR	DCEA	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12		tscom B01		tsi C01, C05	RAD
12-13		tscom B02		tsi C02, C06	TSI
13-14				tsi C03, C07	
14-15				tsi C04	

SETEMBRO / OUTUBRO – Semana 3					
	L 27	Ma 28	Me 29	X 30	V 1
9.00-9.30	TSCOM	TR	DCEA	TA	S. TELECO
9.30-10.00					
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	TSI Design Thinking		
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02			
13-14					
14-15					

OUTUBRO – Semana 4					
	L 4	Ma 5	Me 6	X 7	V 8
9.00-9.30	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01	TSI Design Thinking	RAD
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02			TSI
13-14					
14-15					

OUTUBRO – Semana 5					
	L 11	Ma 12	Me 13	X 14	V 15
9.00-9.30	TSCOM	FESTIVO	rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12	ta B01 tr B02		rad B01	rad C01, C05	RAD
12-13	ta B02 tr B01			rad C02, C06	TSI
13-14				rad C03, C07	
14-15			rad C04		

OUTUBRO – Semana 6					
	L 18	Ma 19	Me 20	X 21	V 22
9.00-10.00	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01	tsi C01, C05	RAD
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		tsi C02, C06	TSI
13-14				tsi C03, C07	
14-15				tsi C04	

OUTUBRO – Semana 7					
	L 25	Ma 26	Me 27	X 28	V 29
9.00-9.30	TSCOM	TR	rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	rad B01	rad C01, C05	RAD
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		rad C02, C06	TSI
13-14				rad C03, C07	
14-15				rad C04	

NOVEMBRO – Semana 8					
	L 1	Ma 2	Me 3	X 4	V 5
9.00-9.30	FESTIVO	TR	dcea B01 rad B02 (HW)	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11					
11-12		tscom B01	dcea B02 rad B01 (HW)	tsi C01, C05	RAD
12-13		tscom B02		tsi C02, C06	TSI
13-14				tsi C03, C07	
14-15			tsi C04		

NOVEMBRO – Semana 9					
	L 8	Ma 9	Me 10	X 11	V 12
9.00-10.00	TSCOM	TR	dcea C01 rad B02 (HW)	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11			dcea C02 rad B02 (HW)		
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea C03 rad B01 (HW)	rad C01, C05	RAD
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02	dcea C04 rad B01 (HW)	rad C02, C06	TSI
13-14				rad C03, C07	
14-15				rad C04	
15-16					
16-17			dcea C05		
17-18			dcea C06		
18-19			dcea C07		

NOVIEMBRE – Semana 10					
	L 15	Ma 16	Me 17	X 18	V 19
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02 (HW)	TA	DCEA
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01 (HW)	tsi C01, C05	RAD
12-13				tsi C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscom B02		tsi C03, C07	TSI
14-15				tsi C04	
15-16			dcea C01		
16-17					
17-18			dcea C02		
18-19					

NOVIEMBRE – Semana 11					
	L 22	Ma 23	Me 24	X 25	V 26
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea B01	TA	DCEA
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02	rad C01, C05	RAD
12-13				rad C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscom B02		rad C03, C07	TSI
14-15				rad C04	
15-16		dcea C03	dcea C04		
16-17					
17-18			dcea C05		
18-19					

NOVIEMBRE / DECEMBRO – Semana 12					
	L 29	Ma 30	Me 1	X 2	V 3
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea C07	TA	
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea C06	tsi C01, C05	RAD
12-13				tsi C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscom B02		tsi C03, C07	TSI
				tsi C04	

DECEMBRO – Semana 13					
	L 6	Ma 7	Me 8	X 9	V 10
9.00-9.30	FESTIVO	TR	FESTIVO		
9.30-10.00					
10-11					
11-12		tscom B01		rad C01, C05	RAD
12-13				rad C02, C06	
13-14		tscom B02		rad C03, C07	TSI
14-15				rad C04	
15-16		dcea C04			
16-17					
17-18					
18-19	dcea C01				

DECEMBRO – Semana 14					
	L 13	Ma 14	Me 15	X 16	V 17
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM		dcea C02		
10-11					
11-12					
12-13	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea C03		TSI
13-14					
14-15					
15-16		dcea C07	dcea C05		
16-17					
17-18			dcea C06		
18-19					

XANEIRO – Exames					
	L 10	Ma 11	Me 12	X 13	V 14
10 – 11					
11 – 12					
	L 17	Ma 18	Me 19	X 20	V 21
10 – 11					
11 – 12					

### Materias / Courses

M145101 TSI: [As tecnoloxías da telecomunicación na sociedade da información / ICT in society](#)  
M145102 TSCOM: [Tratamento de sinais en comunicacións / Signal processing in communications](#)  
M145103 RAD: [Radio / Radio](#)  
M145104 TR: [Tecnoloxías de rede / Networking technologies](#)  
M145105 TA: [Tecnoloxías de aplicación / Applications technologies](#)  
M145106 DCEA: [Deseño de circuitos electrónicos analoxicos / Design of analog electronic circuits](#)

### Laboratorios / Laboratories

tscom B01-B02: LD08  
ta B01: LD08    ta B02: T110  
tr B01: LD08    tr B02: T110  
rad B01-B02: LD08 (SW) + BS04 (HW)  
dcea B01-B02: LD01

### Seminarios / Seminars

tsi C01-C07: LD08  
rad C01-C07: T212  
dcea C01-C07: LD01